

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-----oOo-----

BẢO TRUNG

**PHÁT TRIỂN THỂ CHẾ GIAO DỊCH
NÔNG SẢN Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 62.34.05.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

TP.HỒ CHÍ MINH - NĂM 2009

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Vũ Trọng Khải
TS. Phạm Xuân Lan

Phản biện 1: GS.TS. Hoàng Thị Chính

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Xuân Quế

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Đình Long

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước
hợp tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh,
Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2009

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Trường Đại học Kinh tế Thành
phố Hồ Chí Minh hoặc thư viện Quốc gia.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm làm ra luôn là thách thức và là mối quan tâm, lo lắng của chính phủ các quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ sản phẩm nông nghiệp do các hộ nông dân, phần lớn thuộc đối tượng nghèo trong xã hội làm ra, nếu không được tiêu thụ tốt và có lợi cho họ, thì thu nhập và đời sống của họ sẽ bị ảnh hưởng xấu, trách nhiệm sẽ có phần thuộc về Chính phủ.

Thể chế giao dịch nông sản có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển thị trường nông sản nói riêng và nền kinh tế nói chung. Phát triển thể chế giao dịch nông sản sẽ góp phần thúc đẩy các hình thức giao dịch nông sản phát triển đa dạng và hiệu quả. Các hình thức giao dịch nông sản phát triển sẽ góp phần giải quyết bài toán tiêu thụ nông sản cho nông dân. Ở Việt Nam, các hình thức giao dịch nông sản truyền thống dựa trên nền sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, phân tán, lạc hậu đã tồn tại từ lâu và còn phát huy tác dụng. Các hình thức giao dịch nông sản phổ biến ở các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển đã hình thành nhưng còn rất sơ khai. Thể chế cho các hình thức giao dịch nông sản đã hình thành nhưng chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập. Các hình thức giao dịch nông sản như giao dịch giao ngay, giao dịch sản xuất theo hợp đồng, giao dịch giao sau và thể chế của các hình thức này còn một số nhược điểm. Luận án nghiên cứu ***“Phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam”*** để giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các chủ thể kinh doanh trên thị trường nông sản có cơ sở khoa học vững chắc phát triển thị trường nông sản trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

Nhiều công trình nghiên cứu về hình thức giao dịch nông sản nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về thể chế giao dịch quy định về cấu trúc tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật chất cho các hình thức giao dịch nông sản hoạt động.

3. Mục tiêu của luận án

3.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn và đề xuất giải pháp phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam nhằm góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh cho các chủ thể tham gia vào thị trường nông sản trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời góp phần xóa đói, giảm nghèo cho các hộ nông dân Việt Nam.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Luận giải cơ sở khoa học và kinh nghiệm một số nước về thể chế giao dịch nông sản.
- Nhận dạng và phân tích, đánh giá thực trạng các hình thức giao dịch và thể chế giao dịch nông sản đã xuất hiện và đang hoạt động ở Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp phát triển các hình thức giao dịch và thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Các hình thức giao dịch và thể chế giao dịch nông sản.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: luận án tập trung nghiên cứu một số trường hợp điển hình ở 3 khu vực sản xuất nông sản chính ở Nam Bộ: Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.
- Về thời gian: luận án nghiên cứu trong thời gian phát triển các

hình thức giao dịch nông sản dù là tự giác hay tự phát, nhưng chú trọng giai đoạn hiện tại.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua nghiên cứu thực địa và nghiên cứu so sánh lịch sử, sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống điển hình.

5.2. Phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin

5.2.1. Đối tượng khảo sát

Các chủ thể tham gia giao dịch nông sản ở Việt Nam.

5.2.2. Nguồn dữ liệu

Nguồn dữ liệu thứ cấp là các tài liệu có sẵn.

Nguồn dữ liệu sơ cấp bao gồm dữ liệu thu thập thông qua quan sát, phỏng vấn không cấu trúc và thảo luận nhóm.

5.2.3. Phương pháp tiến hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin

Luận án đã thực hiện nghiên cứu định tính thông qua 2 bước là nghiên cứu định tính sơ bộ và nghiên cứu định tính chính thức. Việc tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thông qua 5 bước và sử dụng công cụ thống kê mô tả, mô hình hóa, tiếp cận hệ thống, thảo luận nhóm và quy nạp.

6. Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của luận án

6.1. Về mặt lý luận

– Luận án khẳng định thể chế giao dịch nông sản là khung pháp lý hay tập quán quy định về cấu trúc tổ chức và cơ chế vận hành của các hoạt động giao dịch nông sản giữa 2 hay nhiều chủ thể tham gia phù hợp với điều kiện vật chất nhất định. Kết luận này xuất phát từ việc nghiên cứu thể chế dưới góc độ quản lý doanh nghiệp, khác với cách hiểu về thể chế được nghiên cứu dưới góc độ quản lý nhà nước.

- Luận án phân loại thể chế giao dịch nông sản: thể chế giao dịch giao ngay, thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng và thể chế giao dịch giao sau. Việc phân loại này dựa trên bản chất kinh tế - xã hội của các hình thức giao dịch. Đó là sự phối hợp theo ngành dọc giữa người mua và người bán.

- Luận án khẳng định sản xuất theo hợp đồng là một loại hình giao dịch nông sản. Mặc dù, nhìn bên ngoài, hình thức này gần giống với giao dịch giao sau nhưng giao dịch này hoàn toàn khác vì bản chất của giao dịch sản xuất theo hợp đồng là giá cả được thỏa thuận giữa người mua và người bán tại thời điểm ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở phân bổ 3 yếu tố: lợi ích, rủi ro và quyền quyết định.

- Luận án khẳng định giao dịch giao ngay bao gồm hai hình thức là giao dịch phân tán và giao dịch tập trung.

- Luận án khẳng định các hình thức mua bán phổ biến trên thị trường nông sản Việt Nam từ lâu như “mua mả”, “mua lúa non”, “hợp đồng bao tiêu nông sản”, “hợp đồng trừ lùi chốt giá sau” là một dạng sơ khai của giao dịch giao sau.

6.2. Về mặt thực tiễn

- Luận án giúp cho các chủ thể tham gia giao dịch nông sản có cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược mua, bán nông sản phù hợp với điều kiện kinh tế Việt Nam, từ đó giảm thiểu tối đa những tổn thất có thể xảy ra do biến động của môi trường kinh doanh.

- Luận án giúp cho các nhà quản lý vĩ mô hoạch định thể chế phát triển thị trường nông sản lành mạnh và bền vững phù hợp với quy luật khách quan, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nông dân và nâng cao khả năng cạnh tranh hàng nông sản Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước khi Việt Nam đã và ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Luận án dài 187 trang với 12 bảng, 14 hình, 4 hộp và 22 phụ lục; ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan về thể chế giao dịch nông sản.

Chương 2: Thực trạng thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam.

Chương 3: Phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THỂ CHẾ GIAO DỊCH NÔNG SẢN

1.1. Khái niệm, bản chất và nội dung của giao dịch nông sản và thể chế giao dịch nông sản

1.1.1. Khái niệm thị trường và thị trường nông sản

Thị trường nông sản là tập hợp các thỏa thuận, dựa vào đó người mua và người bán trao đổi được các hàng hóa nông sản.

1.1.2. Khái niệm giao dịch và giao dịch nông sản

Giao dịch nông sản là quá trình thương lượng giữa các chủ thể kinh doanh để chuyển giao quyền sở hữu đối với nông sản trong điều kiện nhất định nhằm thỏa mãn nhu cầu của bên giao và bên nhận quyền sở hữu.

1.1.3. Khái niệm thể chế, thể chế kinh tế và thể chế giao dịch nông sản

Thể chế giao dịch nông sản là khuôn khổ pháp lý hay tập quán và thông lệ quy định về cấu trúc tổ chức và cơ chế vận hành của các hoạt động giao dịch nông sản giữa 2 hay nhiều chủ thể tham gia phù hợp với điều kiện vật chất nhất định.

1.1.4. Nội dung của thể chế giao dịch nông sản

Thứ nhất, là các hình thức giao dịch nông sản với tư cách là “trò chơi”; thứ hai, là cấu trúc tổ chức của các hình thức giao dịch nông

sản với vai trò của các “người chơi”; thứ ba, là cơ chế vận hành của các hình thức giao dịch nông sản với tư cách là “luật chơi, cách chơi”; và thứ tư, là cơ sở vật chất và điều kiện phát triển của các hình thức giao dịch nông sản với tư cách là “sân chơi” có hệ thống trang thiết bị kỹ thuật nhất định.

1.1.5. Phân loại thể chế giao dịch nông sản

Thứ nhất, thể chế giao dịch giao ngay; thứ hai, thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng; và thứ ba, thể chế giao dịch giao sau.

1.2. Các loại hình thể chế giao dịch nông sản

1.2.1. Thể chế giao dịch giao ngay nông sản

Giao dịch giao ngay là thỏa thuận mua hay bán hàng hóa theo giá cả của thị trường tại thời điểm thỏa thuận và việc giao nhận hàng, thanh toán ngay lập tức hay tại một thời điểm nào đó trong tương lai.

Thể chế giao dịch giao ngay là những quy định về cấu trúc tổ chức, cơ chế vận hành của các hình thức giao dịch giao ngay phù hợp với những cơ sở vật chất và điều kiện nhất định.

Các hình thức giao dịch giao ngay nông sản: giao dịch nông sản phân tán và giao dịch nông sản tập trung.

1.2.2. Thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng trong tiêu thụ nông sản

Sản xuất theo hợp đồng là thỏa thuận giữa những người nông dân với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ trong việc sản xuất và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp dựa trên thỏa thuận giao hàng trong tương lai, giá cả đã được định trước.

Thể chế sản xuất theo hợp đồng là những quy định về cấu trúc tổ chức, cơ chế vận hành của các hình thức sản xuất theo hợp đồng phù hợp với những cơ sở vật chất và điều kiện nhất định.

Các hình thức sản xuất theo hợp đồng trong tiêu thụ nông sản: tập

trung, trang trại hạt nhân, đa chủ thể, phi chính thức và trung gian.

1.2.3. Thể chế giao dịch giao sau nông sản

Giao dịch giao sau là giao dịch diễn ra ngày hôm nay nhưng việc thực thi hợp đồng trong tương lai.

Thể chế giao dịch giao sau là những quy định về cấu trúc tổ chức, cơ chế vận hành của các hình thức giao dịch giao sau phù hợp với những cơ sở vật chất và điều kiện nhất định.

Các hình thức giao dịch giao sau nông sản: giao dịch triển hạn, giao dịch kỳ hạn và giao dịch quyền chọn. *Giao dịch triển hạn* là một thỏa thuận mua bán một số lượng hàng hóa mà việc chuyển giao hàng hóa được thực hiện sau một thời hạn nhất định, với giá cả đã đồng ý ngày hôm nay. Một dạng khác của giao dịch triển hạn là hợp đồng tiêu thụ/bao tiêu. *Giao dịch kỳ hạn* là một thỏa thuận mua bán một số lượng hàng hóa nhất định theo một mức giá cố định tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực và việc chuyển giao hàng hóa được thực hiện vào một ngày trong tương lai thông qua sàn giao dịch hàng hóa. *Giao dịch quyền chọn* là lựa chọn nhằm mua hoặc bán một quyền chứ không bắt buộc để mua hoặc bán một khối lượng hàng trong tương lai với giá xác định cho đến một ngày đáo hạn. Người tham gia hợp đồng quyền chọn phải trả 1 khoản phí quyền chọn.

1.3. Đặc điểm sản xuất nông nghiệp tác động đến sự phát triển các hình thức giao dịch và thể chế giao dịch nông sản

Đặc điểm sản xuất nông nghiệp bao gồm: (1) Sản phẩm nông nghiệp chịu tác động của điều kiện tự nhiên và có chu kỳ sản xuất dài; (2) Sản phẩm nông nghiệp đa dạng và không đồng nhất chất lượng, kích cỡ; (3) Sản phẩm nông nghiệp có tính thời vụ; (4) Sản xuất nông nghiệp là ngành phân tán.

1.4. Kinh nghiệm phát triển thể chế giao dịch nông sản một số

nước và bài học cho Việt Nam

1.4.1. Kinh nghiệm phát triển thể chế giao dịch nông sản một số nước

Kinh nghiệm phát triển thể chế giao dịch giao ngay, giao dịch sản xuất theo hợp đồng và giao dịch giao sau của Thái Lan, Trung Quốc và Hoa Kỳ.

1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

8 bài học kinh nghiệm: (1) Phát triển loại hình dịch vụ thương mại bán buôn hiện đại đa chức năng; (2) Điều kiện vật chất góp phần phát triển giao dịch giao ngay; (3) Doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ đóng vai trò hạt nhân quyết định sự thành công của hình thức sản xuất theo hợp đồng; (4) Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ và thúc đẩy trong nền sản xuất nông nghiệp phân tán, lạc hậu; (5) Sự thành công của các mô hình sản xuất theo hợp đồng tùy thuộc vào những điều kiện vật chất nhất định và đặc điểm của chủng loại hàng hóa; (6) Phát triển thị trường OTC cho giao dịch triển hạn trước khi thành lập Sở giao dịch hàng hóa; (7) Xây dựng tổ chức và cơ chế quản lý giao dịch kỳ hạn chặt chẽ, có sự phân biệt giữa giao dịch hàng hóa nông sản và giao dịch chứng khoán; (8) Chuẩn bị các điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Chương 1 làm rõ lý luận về các hình thức giao dịch nông sản và thể chế giao dịch nông sản. Luận án đã đề cập đến 3 loại hình thể chế giao dịch nông sản là thể chế giao dịch giao ngay, thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng và thể chế giao dịch giao sau. Mỗi loại hình thể chế giao dịch nông sản được phân tích cụ thể các hình thức giao dịch và thể chế của nó. Chương này đã đề cập đến 4 đặc điểm sản xuất nông nghiệp tác động đến sự phát triển thể chế giao dịch nông

sản. Ngoài ra, luận án còn đề cập đến 8 bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình phát triển thể chế giao dịch nông sản.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỂ CHẾ GIAO DỊCH NÔNG SẢN Ở VIỆT NAM

2.1. Thể chế quản lý vĩ mô tác động đến việc áp dụng các hình thức giao dịch nông sản ở Việt Nam

2.1.1. Thể chế quản lý vĩ mô tác động đến giao dịch giao ngay nông sản

Bộ Luật dân sự ngày 14/6/2005, Luật Thương mại ngày 14/6/2005, Nghị định số 88/2006/NĐ-CP, Nghị định số 02/2003/NĐ-CP, Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM, Nghị định số 140/2007/NĐ-CP, Quyết định số 311/QĐ-TTg, Quyết định số 559/QĐ-TTg, Quyết định số 27/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 12/2007/QĐ/BCT là khung pháp lý tác động đến việc phát triển các hình thức giao ngay nông sản ở Việt Nam.

2.1.2. Thể chế quản lý vĩ mô tác động đến sản xuất theo hợp đồng trong tiêu thụ nông sản

Bộ Luật dân sự ngày 14/6/2005, Luật Thương mại ngày 14/6/2005, Nghị định số 135/2006/NĐ-CP, Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg, Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 20/3/2003 là khung pháp lý tác động đến các hình thức sản xuất theo hợp đồng. Trong đó, Nghị định 135 điều chỉnh hình thức khoán trong nông, lâm trường quốc doanh chưa xem khoán là một hình thức sản xuất theo hợp đồng. Quyết định 80 chưa phân biệt được bản chất khác nhau giữa các hình thức sản xuất theo hợp đồng và các hình thức giao dịch giao ngay và giao sau.

2.1.3. Thể chế quản lý vĩ mô tác động đến giao dịch giao sau nông sản

Luật Thương mại ngày 14/6/2005, Nghị định số 158/2006/NĐ-CP là khung pháp lý quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật chất cho giao dịch giao sau nông sản. Tuy nhiên, khung pháp lý chưa hoàn chỉnh, chưa có định hướng phát triển rõ ràng. Các hoạt động giao dịch giao sau nông sản chưa được pháp luật bảo vệ, điều này dẫn đến rủi ro lớn trong khi thỏa thuận và thực hiện các giao dịch này.

2.2. Thực trạng thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam

2.2.1. Thực trạng thể chế giao dịch giao ngay nông sản ở Việt Nam

Giao dịch giao ngay phân tán: luận án nghiên cứu trường hợp tiêu thụ lúa gạo ở ĐBSCL và trường hợp tiêu thụ cà phê ở Tây Nguyên. Giao dịch giao ngay phân tán điển hình là giao dịch giữa người mua gom với nông dân và giữa người mua gom với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ. Thể chế quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật chất được hình thành tự phát, chủ yếu dựa trên ‘trật tự tự nhiên’. Do đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam nhỏ lẻ, phân tán, lạc hậu nên người mua gom nhỏ lẻ tiếp tục đóng vai trò quan trọng.

Giao dịch giao ngay tập trung: luận án nghiên cứu trường hợp Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức và Chợ trung tâm nông sản Hậu Thạnh Đông. Theo dự án thành lập chợ và theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Thủ Đức là nơi giao dịch tập trung. Tuy nhiên, xét về bản chất kinh tế - xã hội thì hoạt động giao dịch của chợ vẫn mang tính chất chợ đầu mối truyền thống. Thể chế giao dịch giao ngay tập trung rất sơ khai, chủ yếu mới xây dựng được “sân chơi” và ý tưởng về “trò chơi”, chưa có “luật

chơi”. Đối với Chợ trung tâm Nông sản Hậu Thạnh thì về bản chất kinh tế - xã hội là nơi giao dịch tập trung. Thể chế quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật chất đã bắt đầu hình thành. Tuy nhiên, do thể chế này chưa hoàn chỉnh nên chợ chỉ hoạt động được thời gian đầu. Ngoài ra, năng lực hiểu biết về mô hình giao dịch tập trung của các chủ thể tham gia và của cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế nên hình thức này chưa phát triển.

2.2.2. Thực trạng thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng trong tiêu thụ nông sản ở Việt Nam

Mô hình tập trung: Trường hợp Công ty Bông Việt Nam ký hợp đồng trực tiếp với nông hộ cung cấp giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật và thu mua toàn bộ sản phẩm với giá cố định. Do đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam nhỏ lẻ, phân tán nên doanh nghiệp phải ký với số lượng lớn nông hộ làm cho chi phí gia tăng như trạm Kông Chro năm 2004 ký 1586 hợp đồng, bình quân 0,59 ha/hộ.

Mô hình trang trại hạt nhân: Mô hình “khoán” ở Nông trường Đắc Đoà thuộc Công ty cà phê IASAO là mô hình trang trại hạt nhân. Nông trường Đắc Đoà có tổng diện tích là 589,7 ha; trong đó, đất trồng cà phê Robusta là 321,5 ha. Tổng lao động của nông trường tính đến ngày 30/6/2007 là 382 người; trong đó lao động trực tiếp nhận khoán vườn cà phê là 356 người. Nông trường giao khoán diện tích vườn cà phê 1 ha/1 lao động; công lao động 283 ngày/năm; công ty cung cấp toàn bộ chi phí vật tư phân bón cho 1 ha cà phê và thu lại sản phẩm là 11,5 tấn cà phê tươi. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động. Thể chế quy định hình thức này là nghị định 135/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện đúng vai trò của mình.

Mô hình đa chủ thể: ở Việt Nam thường gọi là mô hình “liên kết

4 nhà” bao gồm nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà nước và nhà khoa học. HTX Nông nghiệp và kinh doanh tổng hợp Bình Tây đã triển khai mô hình liên kết “4 nhà”. Các chủ thể tham gia vào sản xuất theo hợp đồng như sau: nhà khoa học như Viện lúa ĐBSCL, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, Công ty giống cây trồng miền Nam; 5 doanh nghiệp; Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Gò Công Tây. Cơ chế thực hiện: Hợp đồng thứ nhất là hợp đồng trách nhiệm được ký kết với các đơn vị tham gia với thời hạn 5 năm. Hợp đồng thứ hai là hợp đồng sản xuất được ký theo từng vụ sản xuất giữa doanh nghiệp, HTX, nông dân và có sự giám sát của UBND xã. Kể từ khi quyết định 80/2002/QĐ-TTg ra đời, HTX đã tổ chức sản xuất theo hợp đồng sản xuất lúa được 874 ha, chiếm 45% tổng diện tích lúa (2006); trong đó lúa đặc sản 542 ha. HTX đã tổ chức tiêu thụ được 954 tấn lúa và 18 tấn bắp non, đạt 100 % hợp đồng.

Mô hình phi chính thức: Mô hình phi chính thức xuất hiện ở Việt Nam từ rất lâu và phát triển mạnh trong lĩnh vực thu mua lúa gạo ở ĐBSCL cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Đây là hình thức hợp đồng miệng giữa nông dân với người mua gom. Thể chế quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật chất là thể chế cộng đồng. Hiện nay, mô hình này dần dần bị mất đi.

Mô hình trung gian : Công ty Lương thực Tiền Giang ký kết hợp đồng qua HTX hoặc qua Hội nông dân để thu mua lúa của nông dân theo giá sàn và mua theo giá thị trường tại thời điểm thu hoạch. Công ty trả phí hoa hồng cho HTX hoặc Hội nông dân là 20 đồng/kg lúa. Thế nhưng, kết quả thực hiện rất kém và hiện có 5 HTX chưa trả nợ cho công ty từ năm 2003 đến nay. Hình thức tiêu thụ nông sản cho nông dân ở Công ty Lương thực Tiền Giang đã phản ánh một phần

mô hình sản xuất theo hợp đồng mô hình trung gian. Đó là doanh nghiệp chịu trách nhiệm đầu vào và đầu ra cho nông dân thông qua HTX, tổ hợp tác và doanh nghiệp trả phí hoa hồng cho các tổ chức này để thực hiện công việc của mình. Tuy nhiên, việc thỏa thuận giá trên hợp đồng không phản ánh được bản chất của hình thức sản xuất theo hợp đồng. Quyết định 80/2002/QĐ-TTg đã quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý và điều kiện vật chất của hoạt động giao dịch sản xuất theo hợp đồng, nhưng khung pháp lý này không đủ mạnh và không theo cơ chế thị trường.

2.2.3. Thực trạng thể chế giao dịch giao sau nông sản ở Việt Nam

Giao dịch triển hạn ở Việt Nam:

Giao dịch triển hạn bằng hợp đồng với giá cố định đã có từ lâu. Đó là hình thức “mua bán lúa non”, “mua mao”. Thể chế quy định cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật cho hình thức giao dịch này là dựa trên thể chế cộng đồng. Thể chế này bị thất bại khi quy mô giao dịch vượt quá phạm vi cộng đồng vì người mua và người bán đều có động cơ “ăn gian” khi hệ thống pháp lý thiếu vững chắc.

Giao dịch triển hạn bằng hợp đồng với giá linh hoạt xuất hiện ở Việt Nam có 2 hình thức: *thứ nhất*, thỏa thuận giá sàn và mua theo giá thị trường tại thời điểm giao hàng; *thứ hai*, theo giá thị trường tại thời điểm nào đó trước khi giao hàng. *Đối với mặt hàng cà phê xuất khẩu*, các doanh nghiệp kinh doanh cà phê xuất khẩu sử dụng một trong hai hình thức: *thứ nhất*, hợp đồng “khống giá”, người mua ứng trước 70%-90% giá FOB và *thứ hai*, hợp đồng trừ lùi chốt giá sau; mức trừ lùi có khác nhau giữa các doanh nghiệp. Hiện nay ở Việt Nam, hình thức thỏa thuận giá sàn, mua theo giá thị trường không phản ánh nền kinh tế theo cơ chế thị trường. Các doanh nghiệp áp

dụng hình thức này chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội, bảo hộ cho nông dân. Hình thức thỏa thuận mua bán theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch không có cơ sở để xác định giá và không có công cụ phòng chống rủi ro. Đối với nông sản xuất khẩu, hình thức “khống giá” và “trừ lùi chốt giá sau” được thực hiện do cả người mua và người bán đều có căn cứ để xác định giá và có công cụ phòng chống rủi ro. Thể chế quy định cho hoạt động giao dịch hàng hóa trên thị trường quốc tế đã được xác lập thông qua Sở giao dịch hàng hóa. Thông qua sở giao dịch hàng hóa, chất lượng và giá cả nông sản đều được chuẩn hóa và các quy định mua bán đều chặt chẽ nên các giao dịch được thực hiện.

Giao dịch kỳ hạn ở Việt Nam

Trường hợp giao dịch kỳ hạn hạt điều qua Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.HCM: Ngày 7/3/2002, tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.HCM, sàn giao dịch kỳ hạn hạt điều đầu tiên ra đời, nhưng chỉ hoạt động 2 tháng do không mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

Trường hợp giao dịch kỳ hạn cà phê qua LIFFE và NYBOT: Kể từ năm 2004, Techcombank, BIDV và ATB được phép thực hiện giao dịch qua LIFFE và NYBOT. Các tổ chức này mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài và nhận tiền ký quỹ các doanh nghiệp để thực hiện giao dịch theo hình thức đặt lệnh giáp lưng. Nhưng chủ yếu chỉ có Techcombank hoạt động còn BIDV và ATB chưa có khách hàng. Năm 2006, NHNN hạn chế hoạt động này và kể từ năm 2007 đến nay không còn hoạt động.

Trung tâm giao dịch cà phê Buôn Ma Thuột (BCEC): UBND tỉnh Đắk Lắk đã đầu tư gần 20 tỷ đồng để hoàn tất hệ thống cơ sở hạ tầng bao gồm 1 sàn giao dịch, 4 nhà kho. Đây chính là Sở giao dịch hàng

hóa ở Việt Nam nhưng mới hoạt động.

Giao dịch quyền chọn: chưa áp dụng cho nông sản.

2.3. Đánh giá chung và những vấn đề nảy sinh khi thực hiện thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam

2.3.1. Đánh giá chung và những vấn đề nảy sinh khi thực hiện thể chế giao dịch giao ngay nông sản ở Việt Nam

Những vấn đề nảy sinh khi thực hiện thể chế giao dịch giao ngay nông sản:

Thứ nhất, cấu trúc tổ chức thị trường tiêu thụ nông sản còn mang tính tự phát chưa gắn kết thành chuỗi cung ứng. Các mô hình tổ chức thị trường hiện đại đã được thiết lập nhưng không hiệu quả. Năng lực của các chủ thể tham gia giao dịch còn yếu kém. Hoạt động giao dịch chủ yếu qua người mua gom, nhưng nhà nước chưa quản lý được hoạt động của họ.

Thứ hai, cơ chế kinh doanh hoàn toàn phát triển theo thị trường tự do, vai trò điều tiết vĩ mô của nhà nước còn kém. Các mô hình tổ chức thị trường hiện đại chưa hình thành được cơ chế hoạt động. Cơ chế quan hệ hợp đồng giữa các chủ thể kinh doanh phần lớn dựa trên “cơ chế cộng đồng”, mang tính tự phát, phi chính thức và lấn át vai trò nhà nước và vai trò thị trường.

Thứ ba, kết cấu hạ tầng thương mại và hạ tầng giao thông thiếu hoàn chỉnh và đồng bộ.

2.3.2. Đánh giá chung và những vấn đề nảy sinh khi thực hiện thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng trong tiêu thụ nông sản ở Việt Nam

Những vấn đề nảy sinh khi thực hiện thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng trong tiêu thụ nông sản:

Thứ nhất, doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ chưa thể hiện vai trò

hạt nhân trong các mô hình sản xuất theo hợp đồng.

Thứ hai, quan hệ hợp đồng không bình đẳng và cơ chế phân bổ lợi ích, rủi ro và quyền quyết định giữa các chủ thể chưa được xác lập rõ ràng.

Thứ ba, điều kiện vật chất chưa đảm bảo cho việc thực hiện sản xuất theo hợp đồng.

2.3.3. Đánh giá chung và những vấn đề nảy sinh khi thực hiện thể chế giao dịch giao sau nông sản ở Việt Nam

Những vấn đề nảy sinh khi thực hiện thể chế giao dịch giao sau nông sản:

Thứ nhất, trình độ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của các chủ thể tham gia giao dịch giao sau nông sản còn hạn chế.

Thứ hai, cơ chế quản lý kể cả cơ chế tự quản của thương nhân và cơ chế quản lý của Nhà nước chưa hoàn chỉnh.

Thứ ba, các điều kiện vật chất cần thiết cho sự phát triển thể chế giao dịch giao sau chưa hoàn chỉnh.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Chương 2 phân tích, đánh giá thể chế quản lý vĩ mô tác động đến việc áp dụng các hình thức giao dịch nông sản ở Việt Nam. Luận án tập trung phân tích các văn bản pháp luật có tác động nhiều nhất đến thể chế giao dịch nông sản như Bộ Luật dân sự, Luật Thương mại, Nghị định 135/2005/NĐ-CP, Nghị định 02/2003/NĐ-CP, Nghị định 158/2006/NĐ-CP, Quyết định 80/2002/QĐ-TTg.

Chương này đã chọn lựa một số tình huống thực tế từ mẫu khảo sát để phân tích làm rõ thực trạng về thể chế giao dịch nông sản. Các tình huống được nhận dạng theo các hình thức giao dịch và được đánh giá thể chế quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật chất. Chương này cũng đánh giá chung và rút ra những vấn

đề này sinh cần phải giải quyết trong việc phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam.

CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN THỂ CHẾ GIAO DỊCH NÔNG SẢN Ở VIỆT NAM

3.1. Quan điểm phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam

Luận án đề xuất 4 quan điểm: (1) Phát triển đa dạng các hình thức giao dịch nông sản có hiệu quả và phù hợp với điều kiện và trình độ sản xuất; (2) Đảm bảo sự công bằng, bình đẳng cho các chủ thể tham gia giao dịch nông sản; (3) Hỗ trợ hợp lý cho các hình thức giao dịch nông sản phát triển; và (4) Xây dựng cơ sở pháp lý đồng bộ và khoa học cho các hình thức giao dịch nông sản.

3.2. Định hướng phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam

- Đối với thể chế giao dịch giao ngay: phát triển các loại hình doanh nghiệp với phương thức kinh doanh chuyên nghiệp hóa và hiện đại hóa và phát triển đa dạng hóa kết cấu hạ tầng thương mại.

- Đối với thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng: phát triển đa dạng hóa các hình thức; đổi mới mô hình tổ chức, phương thức quản lý các doanh nghiệp; phát triển các HTX, tổ kinh tế hợp tác; phát triển các trang trại; phát triển mô hình liên kết vệ tinh.

- Đối với thể chế giao dịch giao sau: xây dựng 1-2 sở giao dịch hàng hóa nông sản, phát triển các công cụ phái sinh, hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở giao dịch hàng hóa.

3.3. Phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam

3.3.1. Phát triển thể chế giao dịch giao ngay nông sản

Hoàn thiện các hình thức giao dịch giao ngay: Thứ nhất, đối với giao dịch giao ngay phân tán: tập trung xây dựng lại chuỗi giá trị gia

tăng. *Thứ hai*, đối với giao dịch giao ngay tập trung: xây dựng các chợ đầu mối, trung tâm giao dịch đa chức năng như chợ gạo bán buôn, chế biến, tổng kho, vận tải; chợ rau quả, chợ thịt bán buôn, chế biến, kho và xuất khẩu; và trung tâm đầu giá thủy sản, trà, cà phê, cao su, hồ tiêu, điều.

Giải pháp hỗ trợ phát triển thể chế giao dịch giao ngay nông sản:

- Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến giao dịch giao ngay nông sản. Tập trung sửa đổi Bộ Luật dân sự và Luật Thương mại.

- Thứ hai, nâng cao năng lực kinh doanh thương mại cho chủ thể kinh doanh: đào tạo nghiệp vụ quản lý chợ, bán buôn, bán lẻ; kiến thức kinh doanh; nghiệp vụ quản lý nhà nước.

- Thứ ba, quản lý hoạt động kinh doanh của người mua gom: thực hiện đăng ký kinh doanh; thành lập hiệp hội hoặc HTX.

- Thứ tư, điều tiết cung cầu nông sản và tổ chức lưu thông hàng hóa: kiểm tra ngăn chặn hành vi cản trở lưu thông hàng hóa; xóa bỏ độc quyền xuất khẩu nông sản; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng.

- Thứ năm, phát triển các điều kiện vật chất: xây dựng đề án thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; phát hành trái phiếu công trình; xây dựng tiêu chí dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại; tiếp tục hoàn thiện chính sách đất đai.

3.3.2. Phát triển thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng

Hoàn thiện các hình thức sản xuất theo hợp đồng: hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và điều kiện vật chất cho các hình thức: tập trung, trang trại hạt nhân, đa chủ thể và trung gian. Trong đó, xác định rõ vai trò, chức năng của người mua và nông dân.

Giải pháp hỗ trợ phát triển thể chế giao dịch sản xuất hợp đồng:

- Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng trong

lĩnh vực nông nghiệp: sửa đổi Bộ Luật dân sự ngày 14/6/2005 ; thay thế Quyết định 80/2002/QĐ-TTg và Nghị định 135/2005/NĐ-CP bằng nghị định về “hợp đồng sản xuất – tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng Luật Nông nghiệp.

- Thứ hai, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động tổ hợp tác và hợp tác xã: thành lập HTX trên nguyên tắc tự nguyện; phương thức vận động phù hợp môi trường văn hóa xã hội; vận động người mua gom tham gia HTX; phát triển và nâng cao hiệu quả HTX thông qua chính sách tích tụ đất đai và giáo dục – đào tạo.

- Thứ ba, tiêu chuẩn hóa chất lượng nông sản: sản xuất theo GAP; kiểm soát quy trình sản xuất; xây dựng quy trình truy xét nguồn gốc sản phẩm; tổ chức giáo dục, đào tạo và tuyên truyền về quản lý chất lượng.

- Thứ tư, hoàn thiện chính sách tích tụ ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp: xóa bỏ hạn điền; xóa bỏ quy định thời hạn sử dụng đất; sửa đổi luật về thừa kế đất nông nghiệp.

3.3.3. Phát triển thể chế giao dịch giao sau nông sản

Hoàn thiện hình thức giao dịch giao sau nông sản: xây dựng Sở giao dịch hàng hóa tại TP.HCM cho gạo, cà phê và cao su. Sở giao dịch hàng hóa được hình thành qua 2 bước: trước hết, thành lập Trung tâm giao dịch hợp đồng triển hạn; sau 3 năm, nếu thành công sẽ nâng lên thành Sở giao dịch hàng hóa.

Giải pháp hỗ trợ phát triển thể chế giao dịch giao sau:

- Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật liên quan đến giao dịch giao sau nông sản: xây dựng Luật giao dịch kỳ hạn; xây dựng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa tham gia giao dịch; ban hành quy định về thuế, phí và kế toán – tài chính; các quy định giao dịch; các tiêu chuẩn kho hàng, giao nhận hàng hóa.

- Thứ hai, xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề giao dịch hàng hóa nông sản

3.4. Kiến nghị

3.4.1. Kiến nghị với Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố

- Nhà nước cần xây dựng Luật Nông nghiệp.
- Cần sửa đổi chuẩn hơn Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 80/2002/NĐ-CP về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng. Về lâu dài cần đưa nội dung sản xuất theo hợp đồng vào trong Luật Nông nghiệp.
- Nhà nước cần xây dựng Luật giao dịch hàng hóa kỳ hạn.
- Nhà nước cần bãi bỏ thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế VAT cho tất cả các chủ thể ở khâu trung gian, trực tiếp mua gom nông sản cho nông dân.
- Nhà nước cần điều chỉnh lại Luật đất đai liên quan đến đất nông nghiệp và các nghị định, thông tư có liên quan.
- Chính phủ cần xây dựng đề án và thực hiện phát hành trái phiếu công trình để có nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.
- Chính phủ thí điểm cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu lớn thuộc các ngành cà phê, hạt điều và hạt tiêu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để trực tiếp giao dịch kỳ hạn và quyền chọn trên Sàn giao dịch hàng hóa nước ngoài.
- UBND các tỉnh, thành tổ chức đấu thầu chuyển đổi tất cả các chợ bán buôn và bán lẻ cho các doanh nghiệp, HTX quản lý kinh doanh.
- UBND các tỉnh, thành không sử dụng tiền ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng chợ và giao quyền tự chủ hoàn toàn cho doanh nghiệp trong kinh doanh chợ.
- UBND các tỉnh, thành chỉ đạo UBND quận, huyện, xã,

phường, thị trấn tiến hành đăng ký kinh doanh cho tất cả các trang trại có sản xuất hàng hóa và người mua gom theo Nghị định của Chính phủ số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

3.4.2. Kiến nghị với các doanh nghiệp

- Doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược liên doanh, liên kết tạo vùng nguyên liệu để phục vụ cho chế biến và tiêu thụ. Việc liên doanh, liên kết với người sản xuất nguyên liệu có thể thực hiện thông qua việc thành lập công ty cổ phần và người sản xuất trở thành cổ đông của công ty.

- Doanh nghiệp thương mại bán buôn, nhất là các doanh nghiệp đang quản lý kinh doanh chợ đầu mối cần nâng cao năng lực quản lý, tăng cường liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp bán lẻ, chủ yếu là hệ thống siêu thị và người sản xuất để trở thành trung tâm phân phối sản phẩm.

- Các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cần nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm và đào tạo nguồn nhân lực có hiểu biết sâu về thị trường giao sau để sử dụng các công cụ trên thị trường này quản lý rủi ro.

- Các doanh nghiệp như các doanh nghiệp chế biến cần phải thực hiện quản lý chất lượng theo HACCP và phải kiểm soát được chất lượng từ khâu sản xuất nông nghiệp.

- Doanh nghiệp nhà nước cần phải nhanh chóng chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp năm 2005.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Trong chương 3, luận án đề xuất 4 quan điểm phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam. Luận án đề xuất định hướng phát triển 3 loại hình thể chế (giao ngay, sản xuất theo hợp và giao sau).

Luận án đề xuất hoàn thiện các hình thức giao dịch nông sản và giải pháp hỗ trợ phát triển. Ngoài ra, luận án cũng đề xuất một số kiến nghị với chính phủ, UBND tỉnh, thành phố và các doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu **“Phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam”**, luận án rút ra một số kết luận sau:

- Những tổng kết lý luận và kinh nghiệm của các nước trong việc phát triển thể chế giao dịch nông sản là cơ sở khoa học đầu tiên của việc phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam.

- Thực tiễn về đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội, nhân văn của Việt Nam là cơ sở khoa học quy định cách thức vận dụng lý luận và kinh nghiệm thế giới để phát triển thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam

- Thể chế giao dịch nông sản quy định cấu trúc tổ chức, cơ chế vận hành của thị trường nông sản mà các chủ thể kinh doanh tham gia trong điều kiện vật chất nhất định nhằm tối đa hóa lợi ích của riêng từng chủ thể, đồng thời mang lại lợi ích cho cộng đồng trong quá trình phát triển.

- Thể chế giao dịch nông sản bao gồm thể chế giao dịch giao ngay, thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng và thể chế giao dịch giao sau.

- Thể chế giao dịch nông sản ở Việt Nam đang trong quá trình phát triển. Nhiều hình thức giao dịch nông sản mới đã bắt đầu xuất hiện. Thể chế quản lý vĩ mô của nhà nước cũng đã góp phần quan trọng thúc đẩy các hình thức giao dịch nông sản ra đời. Tuy nhiên, các hình thức giao dịch nông sản ở Việt Nam phần nhiều mang tính tự phát do chính những chủ thể tham gia quá trình giao dịch tìm tòi

sáng tạo. Mặc dù có nhiều mô hình thành công, cũng như mô hình thất bại nhưng sự xuất hiện những hình thức giao dịch mới đã thúc đẩy mạnh thị trường nông sản phát triển.

- Hình thức giao dịch giao ngay tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Luận án đã phân tích giao dịch giao ngay dưới hai hình thức: giao dịch phân tán và giao dịch tập trung. Luận án đã đề xuất hướng hoàn thiện cấu trúc, cơ chế và điều kiện vật chất của giao dịch phân tán và giao dịch tập trung. Luận án cũng đề xuất một số giải pháp hỗ trợ để phát triển thể chế giao dịch giao ngay.

- Hình thức sản xuất theo hợp đồng được xem là hình thức giao dịch tiên tiến. Đây là mô hình liên kết nông dân với thị trường. Luận án đã phân tích sản xuất theo hợp đồng theo 5 mô hình: tập trung, trang trại hạt nhân, phi chính thức, đa chủ thể và trung gian. Ở Việt Nam hình thức sản xuất theo hợp đồng phát triển mạnh sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002. Để phát triển thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng, luận án đã đề xuất hướng hoàn thiện thể chế về cấu trúc, cơ chế và điều kiện vật chất cho một số mô hình sản xuất theo hợp đồng (tập trung, trang trại hạt nhân, đa chủ thể và trung gian. Luận án đưa ra một số giải pháp hỗ trợ phát triển thể chế giao dịch sản xuất theo hợp đồng.

- Ở Việt Nam, hình thức giao dịch giao dịch triển hạn đã xuất hiện từ lâu nhưng chưa có công cụ bảo hiểm rủi ro thực hiện hợp đồng cho các chủ thể tham gia giao dịch; còn giao dịch kỳ hạn mới phát triển trong kinh doanh cà phê xuất khẩu; giao dịch quyền chọn chưa phát triển đối với hàng nông sản. Luận án đã đề xuất xây dựng Sở giao dịch hàng hóa nông sản ở Việt Nam. Luận án đã đề xuất một số giải pháp hỗ trợ phát triển thể chế giao dịch giao sau.

Tóm lại, phát triển thể chế giao dịch nông sản là một phần trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Thể chế giao dịch nông sản phát triển sẽ thúc đẩy phát triển thị trường nông sản và tạo thuận lợi cho người nông dân gắn kết, tham gia vào thị trường. Việc “mang thị trường” đến với nông dân sẽ góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và xóa đói giảm nghèo cho người dân nông thôn. Luận án nghiên cứu mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào quá trình phát triển nông nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế đất nước nói chung. Luận án chắc chắn còn hạn chế và thiếu sót nhất định. Một số hạn chế chủ yếu: thứ nhất, luận án chưa thể trình bày tất cả các trường hợp giao dịch đã nghiên cứu; thứ hai, luận án chưa có số liệu đầy đủ để chứng minh tính hiệu quả của từng hình thức giao dịch thông qua nghiên cứu vận dụng lý thuyết chi phí giao dịch và lý thuyết về chi phí marketing; thứ ba, luận án chưa thực hiện được nghiên cứu định lượng để kiểm định các nội dung được khám phá thông qua nghiên cứu định tính. Những hạn chế và thiếu sót của luận án sẽ được tác giả tiếp tục nghiên cứu để ngày càng hoàn thiện hơn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Bảo Trung (2008), “Thế chế giao dịch nông sản: lý luận, kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 9 (364), Hà Nội.
2. Bảo Trung (2008), “Phát triển các hình thức sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, số 22, tháng 9+10/2008, Hà Nội.
3. Bảo Trung (2005), “Bàn về nguyên tắc hoạt động chợ trung tâm nông sản ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 11, Hà Nội.
4. Bảo Trung (2005), “Bàn về nội dung và hình thức tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng (theo Quyết định 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ)”, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 3 và 4, Hà Nội.
5. Bảo Trung (2007), “Áp dụng ISO cho nông sản, thực phẩm xuất khẩu: còn nhiều hạn chế”, *Tạp chí Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*, số 24, Hà Nội.
6. Bảo Trung (2008), “Nghiên cứu chính sách, giải pháp khuyến khích ngành công nghiệp chế biến thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh nâng cao tỷ trọng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản phẩm”, *đề tài cấp Thành Phố*, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Bảo Trung (2006), “Đẩy mạnh tiêu thụ nông sản theo ký kết hợp đồng giữa doanh nghiệp với nông dân – Mô hình Hợp tác xã, tổ kinh tế hợp tác”, *Báo cáo hội thảo khoa học ngày 31/7/2006*, Trung tâm tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và PTNT, <http://xttmnew.agroviet.gov.vn/hoithao/chuyende/15082006/truongqlnntw2.pdf>

